

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-PT
Ngày 28 – 02 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 và 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2022/TLPT-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2022.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp 1, Xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Công T: Ông Lữ Minh T1 – Luật sư Công ty Luật hợp danh T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trương Thanh P (tên thường gọi: Bảo), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 138, đường Hòa Bình, Khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn ông Trương Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2021, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Công T là nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu làm hệ thống điện năng lượng mặt trời nên thông qua người quen giới thiệu ông được biết ông Trương Thanh P có làm về lĩnh vực này. Sau quá trình thỏa T1 thì giữa ông và ông P đã ký kết hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020, nội dung Hợp đồng là ông P sẽ thực hiện cho ông các công việc gồm: Tư vấn, thi công, tìm nguồn vốn đầu tư cho dự án điện mặt trời áp mái tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với phí dịch vụ là 1.300.000.000 đồng; Phương thức thanh toán: Ngay sau khi ký hợp đồng, ông sẽ tạm ứng cho ông P 20% giá trị hợp đồng là 260.000.000 đồng, ông T đã giao đủ số tiền này cho ông P theo Biên nhận đề ngày 22/10/2020, số tiền này cho P tạm ứng để chi phí cho việc tìm nguồn vốn cho vay. Khi dự án hoàn thành phần khung sườn nhà xưởng và ngân hàng giải ngân thì ông T sẽ tạm ứng tiếp cho ông P 30% giá trị hợp đồng là 390.000.000 đồng. Khi dự án đến giai đoạn lắp đặt áp pin lên mái thì ông T sẽ tạm ứng tiếp cho ông P 30% giá trị hợp đồng là 390.000.000 đồng. Sau khi hoàn thành toàn bộ dự án được nghiệm thu và đóng điện thì ông T sẽ thanh toán cho ông P 20% giá trị hợp đồng còn lại 260.000.000 đồng; thời hạn thực hiện hợp đồng là kể từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày hoàn thành công việc.

Sau khi ký hợp đồng thì ông đã giao cho ông P số tiền 260.000.000 đồng theo Biên nhận đề ngày 22/10/2020. Tuy nhiên, ông P chỉ làm được cho ông một số công việc gồm: Thành lập công ty TNHH Điện Mặt Trời Trường An; lập hồ sơ thuyết minh dự án; lập hồ sơ dự án; làm hồ sơ thiết kế thi công và vào khoảng tháng 11/2020 thì P có gọi được đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - chi nhánh Sóc Trăng xuống khảo sát, tuy nhiên sau đó phía Ngân hàng không đồng ý cho vay vốn nên ông P đã không thực hiện được việc tìm nguồn vốn đầu tư cho ông T thực hiện dự án điện năng lượng mặt trời.

Từ ngày 01/01/2021 thì Chính phủ đã ngừng mua điện năng nên trong thời gian cần thực hiện công việc thì ông P đã không tìm được nhà đầu tư là vay vốn từ Ngân hàng để có vốn cho ông xây dựng hệ thống điện mặt trời nên nay ông yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020 và yêu cầu ông P trả lại số tiền 260.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 09/10/2020 đến nay là 59.800.000 đồng, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trương Thanh P trình bày:

Ông P thừa nhận có ký với ông Nguyễn Công T hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020, nội dung hợp đồng ông P sẽ thực hiện cho ông T các công việc gồm: Tư vấn, thi công, tìm nguồn vốn đầu tư cho dự án điện mặt trời áp mái tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu với phí dịch vụ là 1.300.000.000 đồng và ông P có nhận số tiền 260.000.000 đồng theo biên nhận đề ngày 22/10/2020. Sau khi ký hợp đồng thì ông đã thực hiện những công việc gồm: Thành lập công ty TNHH Điện Mặt Trời Trường An, lập hồ sơ dự án, thỏa T1 đấu nối với Điện Lực Hòa Bình, lập hồ sơ thuyết minh dự án, làm hồ sơ thiết kế thi công, hợp đồng về việc cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt

trời số 01 ngày 11/01/2019 và có mời được đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - chi nhánh tỉnh Sóc Trăng xuống khảo sát vào ngày 05/11/2020. Khi phía Ngân hàng xuống khảo sát thì ông T chưa lắp được mái trên phần diện tích đất để làm điện mặt trời và trạm biến áp nên Ngân hàng chưa đồng ý giải ngân giai đoạn 1 mà yêu cầu ông T phải lắp mái.

Do ông T không đáp ứng được tiến độ làm mái và làm trạm biến áp trong thời gian trước ngày 30/12/2020 nên Ngân hàng không thể cho vay nên lỗi dẫn đến không thể hoàn thành công việc trong Hợp đồng dịch vụ là do ông T. Từ ngày 01/01/2021 thì Ngân hàng đã ngưng việc cho vay đối với điện mặt trời vì Chính phủ đã không mua điện năng nữa nên nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông P đồng ý huỷ hợp đồng dịch vụ ngày 09/10/2020, tuy nhiên không đồng ý trả lại số tiền 260.000.000 đồng và tiền lãi 59.800.000 đồng, vì lỗi dẫn đến không thực hiện được hợp đồng là của ông T, không có yêu cầu gì khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T đối với ông Trương Thanh P.

Hủy hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020 được ký kết giữa ông Nguyễn Công T và ông Trương Thanh P.

Buộc ông Trương Thanh P hoàn trả lại cho ông Nguyễn Công T số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T đối với ông Trương Thanh P về việc yêu cầu trả số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 59.800.000 đồng (năm mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 về tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/10/2022, nguyên đơn ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Ngày 25/10/2022, bị đơn ông P kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm cả ông T và ông P đều giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ cho ông T trình bày: Khi thỏa T1 ký kết hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020, ông P không có chứng chỉ chuyên môn hay nghiệp vụ gì về lĩnh vực điện mặt trời nên việc ông P ký kết hợp đồng với ông T thì ông P đã lừa dối ông T. Đồng thời căn cứ công văn số 84/CV-MB-STR ngày 19/8/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – chi nhánh Sóc Trăng cung cấp thể hiện việc Ngân hàng không đồng ý cho vay là lỗi do ông P. Hợp đồng vô hiệu do bị lừa dối nên đề nghị áp dụng Điều 127 Bộ luật Dân sự năm

2015, tuyên bố Hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020 vô hiệu, buộc ông P có trách nhiệm phải hoàn trả lại số tiền vốn là 260.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 09/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 59.800.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T và ông P; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 186/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ông T và ông P có ký kết hợp đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020, nội dung ông P thực hiện các công việc cho ông T gồm: “Tư vấn, thi công, tìm nguồn vốn đầu tư cho dự án điện mặt trời áp mái tại ấp Vĩnh Hội, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày hoàn thành công việc. Phí dịch vụ 1.300.000.000 đồng. Ngay sau khi ký kết hợp đồng, ông T tạm ứng cho ông P 20% giá trị hợp đồng là 260.000.000 đồng...”. Ông P đã nhận tạm ứng từ ông T số tiền 260.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện ông T, ông P đều thừa nhận, nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông T xác định sau khi ký kết hợp đồng dịch vụ thì ông P không thực hiện công việc đã thỏa T1 trong hợp đồng nên ông T khởi kiện yêu cầu ông P hoàn trả số tiền đã tạm ứng 260.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày ông P nhận tiền đến ngày xét xử sơ thẩm là 59.800.000 đồng. Phía ông P xác định ông đã thực hiện hợp đồng dịch vụ cho ông T gồm: Thành lập Công ty TNHH Điện mặt trời Trường An; Lập hồ sơ dự án; Thỏa T1 đấu nối với điện lực Hòa Bình; Lập hồ sơ thuyết minh dự án; Thuê Công ty TNHH Một thành viên Điện lạnh Bạc Liêu làm hồ sơ thiết kế thi công và gọi Ngân hàng Quân đội chi nhánh Sóc Trăng khảo sát ngày 05/11/2020.

Giữa nguyên đơn ông T và bị đơn ông P đều thống nhất yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ đã ký kết giữa các bên, do từ ngày 01/01/2021 Chính phủ có quy định Điện lực ngừng mua điện năng mặt trời, đồng thời ngân hàng ngừng cho vay vốn đối với dự án điện mặt trời. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái quy định pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp

đồng dịch vụ số 01/HĐDV/2020 ngày 09/10/2020 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông T và ông P, Hội đồng xét xử, xét thấy: Sau khi ký kết hợp đồng dịch vụ, bị đơn ông T đã thực hiện được những việc như: Thành lập Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trường An, lập hồ sơ dự án, thỏa T1 đầu nối với Điện lực Hòa Bình, gọi Ngân hàng đến khảo sát. Do đó, có căn cứ xác định ông P đã thực hiện hợp đồng được một phần, nên ông T có nghĩa vụ trả chi phí này cho ông P. Tuy nhiên, chi phí cho việc thực hiện thì ông P không chứng minh, không cung cấp hóa đơn cụ thể, đồng thời giữa ông T và ông P không thống nhất được các khoản chi phí, ông T xác định khoảng dưới 20 triệu đồng, còn ông P xác định trên 600 triệu đồng. Tuy nhiên, chỉ là lời trình bày của các đương sự, không có chứng cứ chứng minh cụ thể, nên không có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – chi nhánh Sóc Trăng có văn bản phúc đáp xác định do khách hàng chưa cung cấp đầy đủ hồ sơ, công trình chưa đúng quy định pháp luật do dự án được xây dựng trên đất nông nghiệp, nên Ngân hàng không đồng ý cho vay. Xét thấy, theo hợp đồng dịch vụ thì các phần việc này thuộc trách nhiệm của cả ông T và ông P, hợp đồng không thực hiện được là do lỗi của cả nguyên đơn và bị đơn. Bản án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ toàn diện và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Ông P đã nhận tạm ứng của ông T số tiền 260.000.000 đồng, nên ông P có trách nhiệm hoàn trả 50% số tiền nhận tạm ứng là 130.000.000 đồng cho ông T như quyết định Bản án sơ thẩm là phù hợp. Xét thấy, hợp đồng dịch vụ không tiếp tục thực hiện là do lỗi của cả ông T và ông P nhưng ông T yêu cầu ông P trả lãi suất là không phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi suất với số tiền 59.800.000 đồng theo yêu cầu của ông T. Tại cấp phúc thẩm, các đương sự không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không chấp nhận kháng cáo của cả nguyên đơn và bị đơn.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 186/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Công T và ông Trương Thanh P mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông T; Ông P đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai số 0007999 ngày 25/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, được chuyển thu án phí.

[6] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn ông Trương Thanh P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 186/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 401, Điều 423, Điều 425, Điều 427 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T đối với ông Trương Thanh P.

Hủy hợp đồng dịch vụ số 01/HDDV/2020 ngày 09/10/2020 được ký kết giữa ông Nguyễn Công T và ông Trương Thanh P.

Buộc ông Trương Thanh P hoàn trả cho ông Nguyễn Công T số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công T đối với ông Trương Thanh P về việc yêu cầu trả lại số tiền 130.000.000 đồng và tiền lãi 59.800.000 đồng.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Công T được miễn toàn bộ. Ông Trương Thanh P phải chịu án phí 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Công T được miễn. Ông Trương Thanh P phải chịu 300.000 đồng; ông P đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai số 0007999 ngày 25/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, được chuyển thu án phí.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TP. Bạc Liêu;
- CCTHADS TP. Bạc Liêu;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng